

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương
Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng
Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1509/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1625/2017/QĐ-PT ngày 25/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn HT, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; cư trú tại: Xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm TH (Phạm VH), sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn LĐ3, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Phạm TH là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Anh Phạm Văn H trình bày:

Ngày 14/02/2011, Anh Phạm Văn H mua của anh Phạm VH một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu trắng bạc, biển kiểm soát 16F7-3198, có Giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phạm Văn B; địa chỉ: Tổ 4 Cụm 4, phường BS, quận KA, thành phố Hải Phòng với giá tiền 31.000.000 đồng. Anh VH có viết giấy bán xe để xác nhận có việc mua bán. Anh H đã trả đủ số tiền cho Anh VH và nhận xe cùng giấy đăng ký mô tô, xe máy. Sau khi sử dụng xe, đến ngày 12/7/2012, Công an huyện VB đã tiến hành thu hồi chiếc xe mô tô nêu trên từ anh H do nghi ngờ biển số và giấy tờ xe bị làm giả. Qua xác minh, Công an huyện VB xác định được chủ sở hữu chiếc xe mô tô thu giữ từ anh H là của chị Phạm Thị H; địa chỉ: Số 4/3, đường BM, phường DH, quận LC, Hải Phòng (hiện đang ở tại địa chỉ: Số 28/21/96 chợ H cũ, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng), xe có số khung RLHJF1808AY334972 và số máy JF27E-0381262 mang BKS là 16R8-1566; chị H bị mất trộm ngày 11/10/2010. Còn BKS 16P7-3198 là của xe nhãn hiệu ACUMEN, màu sơn đen bạc, có số máy JF27E-0123719 và số khung RLHJF1800AY-120803, chủ sở hữu là Chu Thị T; địa chỉ: Tổ 11 cụm 2, phường DH, quận KA, thành phố Hải Phòng. Ngày 05/02/2013, Công an huyện VB đã trả lại xe mô tô cho chị H và thông báo cho Anh VH và anh H biết. Ngày 17/7/2012, Anh VH đã viết giấy cam kết trả lại cho anh H số tiền là 27.000.000 đồng. Đến ngày 07/6/2013, Anh VH và anh H thỏa thuận lại và viết giấy cam kết, Anh VH sẽ trả cho anh H số tiền là 15.000.000 đồng. Nhưng sau đó, Anh VH đã không thực hiện theo cam kết. Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá thì chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade đã qua sử dụng, màu sơn trắng bạc, BKS 16R8-1566 số khung RLHJF1808AY334972 và số máy JF27E-0381262 có trị giá là: 31.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H yêu cầu Anh VH phải trả số tiền đã mua chiếc xe mô tô ngày 14/02/2011 là 31.000.000 đồng; không yêu cầu phải trả lãi. Trong việc mua bán chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade với anh VH, anh H cũng có lỗi là khi thấy Giấy đăng ký mô tô, xe máy không phải tên của Anh VH nhưng không kiểm tra giấy tờ mua bán xe giữa Anh VH với người có tên trong Giấy đăng ký mô tô, xe máy nên tự nguyện chịu một phần thiệt hại.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – Anh VH trình bày: Nguồn gốc chiếc xe mô tô là do Anh VH mua của hai thanh niên không rõ lai lịch với giá tiền khoảng từ 35.000.000 đồng đến 36.000.000 đồng. Sau khi sử dụng được 02 năm, do bị bệnh không có tiền điều trị nên ngày 14/02/2011, Anh VH đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade cho anh H với số tiền đúng như anh

H trình bày. Khoảng 02 năm sau thì Anh VH được Công an huyện VB thông báo đã thu giữ chiếc xe trên trả lại cho người bị hại vì chiếc xe mô tô đó là tài sản bị trộm cắp. Công an huyện VB đã nhiều lần yêu cầu Anh VH phải thỏa thuận bồi thường cho anh H. Ngày 07/6/2013 Anh VH đã cam kết trả cho anh H số tiền mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade là 15.000.000 đồng. Sau đó, Anh VH có gọi điện thoại bảo anh H đến nhà Anh VH để lấy tiền nhưng anh H không đồng ý và yêu cầu Anh VH phải trả số tiền là 31.000.000 đồng. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Anh VH phải trả lại số tiền đã mua chiếc xe máy là 31.000.000 đồng, Anh VH không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của anh H vì Anh VH không được chứng kiến việc Công an huyện VB thu hồi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade; mặt khác anh H cũng đã sử dụng chiếc xe đó được 02 năm rồi.

Chị Phạm Thị H (là người đã được Công an huyện VB trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade) trình bày: Chị H mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade, BKS 16R8-1566 tại Công ty cổ phần xe máy Hồng Phát; địa chỉ: Số 36 T, đường TP, phường LKT, NQ, Hải Phòng vào ngày 27/7/2010, với giá tiền 30.620.000 đồng, đăng ký xe mang tên chị H. Đến ngày 10/11/2010, chị H bị mất trộm chiếc xe máy nói trên. Khoảng tháng 02 năm 2013, Công an huyện VB đã trả chiếc xe mô tô trên cho chị H và 02 tháng sau khi nhận lại xe, chị H đã bán cho một người không quen biết với giá tiền là 17.000.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 137, Điều 410, Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 232, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Văn H. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô (Giấy bán xe ngày 14/02/2011) đã ký giữa anh Phạm VH và Anh Phạm Văn H là hợp đồng vô hiệu. Buộc Anh VH phải trả cho anh H số tiền là 29.837.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả tiền; án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25 tháng 5 năm 2017, Anh Phạm TH kháng cáo toàn bộ nội dung bản án với lý do quyết định của Tòa án sơ thẩm không phù hợp với pháp luật và không đảm bảo quyền lợi của anh VH. Ngày 29/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện VB kháng nghị một phần bản án sơ thẩm với lý do: Hợp đồng mua bán xe giữa anh H và Anh VH vô hiệu về hình thức và nội dung, vi phạm điều cấm của pháp luật, do đó khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu cần yêu cầu các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; Anh VH phải trả cho anh H số tiền là 31.000.000 đồng. Chủ sở hữu hợp pháp, chỉ H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không có thiệt hại xảy ra. Nhưng bản

án sơ thẩm lại buộc anh H phải chịu thiệt hại tương ứng với số tiền 1.162.500 đồng là giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Anh VH giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade giữa Anh VH và anh H là có hiệu lực. Do Anh VH không được chứng kiến việc Công an thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade từ anh H nên không xác định được việc này có thực hay không. Anh VH chỉ đồng ý trả cho anh H số tiền 15.000.000 đồng như đã thỏa thuận giữa hai bên ngày 07/6/2013.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo, kháng nghị: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện VB, Hải Phòng là có cơ sở, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về lệ phí, án phí năm 2009, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, không chấp nhận kháng cáo của anh VH, tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc Anh VH phải trả cho anh H số tiền là 31.000.000 đồng; sửa án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Anh VH phải chịu án phí 200.000 đồng. Anh VH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án là về Hợp đồng mua bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo, kháng nghị nên thuộc thẩm quyền của Tòa Dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị Thương phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt chị Thương.

[3] Giao dịch mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade giữa Anh VH và anh H diễn ra vào ngày 14/02/2011, đã được thực hiện xong trước ngày

01/01/2017, nay có tranh chấp cần phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết - điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo, kháng nghị và yêu cầu khởi kiện của anh H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ngày 14/02/2011, Anh VH và anh H đã giao dịch để mua bán chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade với giá tiền 31.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy bán xe. Anh H đã trả đủ cho Anh VH số tiền 31.000.000 đồng, còn Anh VH đã giao chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phạm Văn B, địa chỉ: Tổ 4, Cụm 4, Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng có BKS: 16P7-3198 cho anh H đồng thời cam kết chịu trách nhiệm về việc bán chiếc xe cho anh H. Anh H sử dụng chiếc xe mô tô trên được 17 tháng thì ngày 12/7/2012, Công an huyện VB đã thu giữ chiếc xe do nghi ngờ giấy tờ xe và biển số của chiếc xe mô tô là giả mạo. Tại cơ quan công an, Anh VH không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh Anh VH có quyền sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade đã bán cho anh H. Anh VH trình bày đã mua chiếc xe của hai người thanh niên không rõ lai lịch, không có giấy mua bán xe. Trong khi đó, Công an huyện VB điều tra xác minh và xác định được chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade nói trên là của chị Phạm Thị H; địa chỉ: Số 4/3, BM, phường DH, quận LC, Hải Phòng bị mất trộm nên đã trả lại cho chị H đồng thời thông báo cho Anh VH và anh H biết. Công an huyện VB cũng xác định không có dấu hiệu tội phạm, đề nghị anh H nếu không thỏa thuận được với Anh VH có thể khởi kiện đến Tòa án. Như vậy, có cơ sở khẳng định, Anh VH đã bán chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade cho anh H vào ngày 14/02/2011.

Các thỏa thuận về việc hoàn trả tiền giữa Anh VH và anh H vào ngày 17/7/2012 là 27.000.000 đồng và ngày 07/6/2013 là 15.000.000 đồng, nhưng sau đó Anh VH đã không thực hiện, nay anh H khởi kiện ra tòa án không chấp nhận thỏa thuận đó nên những thỏa thuận này không còn giá trị.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL ngày 02/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản thì trị giá của chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda- Airblade (đã qua sử dụng) màu sơn trắng bạc, BKS 16R8-1566, số khung JF 1808AY33472; số máy JF 27E-0381262; năm sản xuất 2010 tại thời điểm hiện nay là 31.000.000 đồng đúng với giá trị tại thời điểm Anh VH bán cho anh H.

Theo quy định của pháp luật thì xe máy là tài sản phải làm thủ tục đăng ký, được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhưng Anh VH khi mua chiếc xe này của hai người thanh niên không quen biết đã không kiểm tra giấy tờ xe và người bán xe có được quyền bán chiếc xe đó hay không nên đã mua phải tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp, là tài sản trộm cắp. Việc mua bán chiếc xe máy của Anh VH đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật nên không được luật pháp thừa nhận được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nêu trên. Do vậy, đối tượng của hợp đồng mua bán là chiếc xe mô tô mang nhãn hiệu Honda-Aiblade được giao dịch giữa Anh VH và anh H không hợp pháp, Anh VH không có quyền sở hữu chiếc xe nhưng Anh VH

đã bán chiếc xe đó cho anh H thì anh VH phải chịu trách nhiệm về việc bán tài sản không hợp pháp. Trong giấy bán xe cho anh H, anh VH đã cam kết: "... Từ ngày 14/02 anh H được quyền sở hữu chiếc xe này. Nếu có gì sai sót tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm..." (giấy bán xe do Anh VH viết). Hợp đồng mua bán giữa anh VH và anh H đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade không có hiệu lực pháp luật do vi phạm điều cấm của pháp luật. Nay Công an huyện VB thu hồi chiếc xe để trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp thì Anh VH phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền cho anh H đúng như trách nhiệm đã cam kết. Do anh H đã sử dụng xe 17 tháng nên khi buộc Anh VH phải hoàn tiền cho anh H cần phải tính khấu hao thời gian anh H đã sử dụng xe. Bản án sơ thẩm xác định khấu hao thời gian anh H sử dụng xe chính là thiệt hại của hợp đồng vô hiệu và đã xác định giá trị khấu hao là 4.650.000 đồng (Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và tính khấu hao tài sản cố định). Tại phiên tòa sơ thẩm anh H đã tự nguyện chịu một phần lỗi nên bản án sơ thẩm quyết định anh H phải chịu một phần thiệt hại tương đương số tiền 1.162.500 đồng là hợp lý. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu Anh VH phải trả số tiền mua xe máy là: 29.837.500 đồng (làm tròn 29.837.000 đồng) cho anh H là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Anh VH và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện VB - Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 410, Điều 428, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh H 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 6948 ngày 18/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Anh VH phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm đã buộc Anh VH phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 1.491.000 đồng là chưa đúng với quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, buộc Anh VH phải chịu 200.000 đồng tiền án phí về đề nghị công nhận hợp đồng nhưng tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu và anh VH phải chịu 200.000 đồng tiền án phí về việc phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản; cộng: 400.000 đồng – Điều 24 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo - Anh VH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật – khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm (về phần án phí sơ thẩm).

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh VH.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, Điều 410, Điều 428, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; điểm a, b khoản 3 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Văn H. Tuyên bố giao dịch về việc mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade BKS 16R8-1566 giữa anh H và anh VH ngày 14/02/2011 là vô hiệu.

Buộc anh VH phải trả lại cho anh H số tiền mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Aiblade, BKS 16R8-1566 là 29.837.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh VH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh H 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 6948 ngày 18/7/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng.

+ Anh VH phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo - anh Phạm VH không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại Anh VH số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 5413 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng. Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành bản án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương